

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-05-2021  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Chung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Thành

2. Ông Trần Minh Triển

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* không tham gia

Ngày 27 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp ” ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2021 giữa;

*- Nguyên đơn:* Chị VTN, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh AG (có đơn xin vắng mặt ngày 12/4/2021)

*- Bị đơn:* Anh TTT, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh AG (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn chị VTN trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị VTN và anh TTT hai bên tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 25/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện CT, AG. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong chuyện tiền bạc, anh T thường xuyên có mối quan hệ bất chính với người phục nữ khác, chị khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Từ tháng 2/2020 anh T bỏ đi và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên TTVX, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu X.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*\* Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị VTN có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CT giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh TTT có nơi cư trú tại xã VH, huyện CT, tỉnh AG. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh AG.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Chị VTN có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/4/2021, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N được qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với anh T hiện còn đăng ký hộ khẩu tại ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh AG và hiện nay vẫn có mặt tại địa phương nhưng không đến để tham gia các buổi công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện CT, tỉnh AG nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị N và anh T được đoàn tụ, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N, điều đó chứng tỏ anh T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị N. Theo chị N trình bày, anh T hiện đi làm công nhân ở Bình Dương và có về tới lui tại địa phương, việc chị yêu cầu ly hôn anh T có biết nhưng cố tình không về để giải quyết, trong thời gian ly thân chị tạo điều kiện để anh T sửa đổi nhưng anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

2.2 Về con chung: Theo chị N trình bày, anh chị có 01 con chung tên TVMX, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống với chị, chị N có yêu cầu được nuôi con. Do anh T vắng mặt nên không ghi được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu X được quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.3 Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được qui định tại khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 56 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị VTN.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị VTN được ly hôn với anh TTT.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 25/02/2015 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh, huyện CT, tỉnh AG cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Chị VTN được quyền tiếp tục nuôi con chung tên TVMX, sinh ngày 21/10/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con,

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

## 2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007153 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh AG.

3. Quyền kháng cáo: Chị VTN và anh TTT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Chung